SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 215 /QĐ-YHCT	*Đà Nẵng, ngày 29 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng thuộc dự án/dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UB ngày 05 tháng 02 năm 1997 của Chủ tịch UBND lâm thời thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Bệnh viện Y học dân tộc thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3754/QĐ-UB ngày 10 tháng 06 năm 2014 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc đổi tên Bệnh viện Y học dân tộc thành phố Đà Nẵng thành Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị Quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng Ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-YHCT ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc phê duyệt dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-YHCT ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số E2500025492_2501211523 (37/QĐ-YHCT) ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng thuộc dự án/dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Tờ trình số 13/TTr-BMT ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Bên mời thầu về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 68/2025/BC-HLA ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Tổ thẩm định thuộc Công ty TNHH Nghiên cứu và Đầu tư HLA về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng thuộc dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Bên mời thầu.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500025492;

- Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2025 - 2026 cho Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng;

- Giá gói thầu: 3.281.420.720 VND. (Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng chẵn./.)

- Tên Chủ đầu tư: Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng;

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước;

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu: Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu: Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu: Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm

Thông tin chi tiết theo từng nhà thầu về hàng hóa trúng thầu được nêu tại Phụ lục 3.1, Phụ lục 3.2, Phụ lục 3.3, Phụ lục 3.4, Phụ lục 3.5 đính kèm

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Bên mời thầu căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bên mời thầu, Phòng Tài chính - Kế toán, Khoa Dược chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Y tế TP Đà Nẵng (để báo cáo);
- Bảo hiểm xã hội khu vực XXII (để phối hợp);
- Phòng giao dịch số 9-Kho bạc Nhà nước Khu Vực XII (để phối hợp);
- Lưu: VT, TC - KT, BMT, Dược.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Nguyễn Văn Ánh

nguyetttm1-03/06/2025 08:54:13-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

Số: 215/QĐ-YHCT
Thời gian ký: 2025-04-29T07:57:10+07:00

Phụ lục 01

THÔNG TIN NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YHCT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng)

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế/Mã định danh	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	PP2500006520	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy đo HB-A1C (Máy xét nghiệm sinh hóa đo Protein)-D-10	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt	vn0108538481	206.614.825	206.614.825	206.614.825	24 tháng	24 tháng	
2	PP2500006521	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT QUANG PHÁT	vn0312862086	186.765.500	186.765.500	186.765.500	24 tháng	24 tháng	
3	PP2500006522	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm điện giải 3 thông số - Easylyte ®	Công ty TNHH Y tế Phúc Phúc Hưng	vn0401754999	231.821.700	231.821.700	231.821.700	24 tháng	24 tháng	
4	PP2500006523	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm điện giải 5 thông số - Easylyte Expand	Công ty TNHH Y tế Phúc Phúc Hưng	vn0401754999	198.025.699	198.025.699	198.025.699	24 tháng	24 tháng	
5	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT QUANG PHÁT	vn0312862086	151.977.612	151.977.612	151.977.612	24 tháng	24 tháng	
6	PP2500006525	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 7300Es	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH CÔNG	vn0109317037	227.267.568	227.267.568	227.267.568	24 tháng	24 tháng	
7	PP2500006526	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy sinh hóa AU480	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MINH TÂM	vn0101268476	770.765.106	770.765.106	770.765.106	24 tháng	24 tháng	
8	PP2500006527	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy miễn dịch Access II	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MINH TÂM	vn0101268476	785.408.925	785.408.925	785.408.925	24 tháng	24 tháng	

nguyetttm1-03/04/2025 08:41:30 nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

Số: 215/QĐ-YHCT
Thời gian ký: 2025-04-29T07:58:07+07:00

Phụ lục 02
THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YHCT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế/Mã định danh	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LÊ MINH	vn0105616438	PP2500006521	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	Nhà thầu không gửi mẫu chạy thử máy
2	LIÊN DANH NHÀ THẦU DMED - HÀ NAM NINH	vn0110072864	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	Nhà thầu không gửi mẫu chạy thử máy
3	CÔNG TY TNHH XÉT NGHIỆM VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH PHÚC AN	vn6001614229	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	Nhà thầu không gửi mẫu chạy thử máy
4	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ - VẬT TƯ Y TẾ DUY CƯỜNG	vn2901720991	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	Nhà thầu không gửi mẫu chạy thử máy
5	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN VIỆT	vn0103360438	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	Nhà thầu không gửi mẫu chạy thử máy
6	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LÊ MINH	vn0105616438	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	Nhà thầu không gửi mẫu chạy thử máy
7	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ PHƯƠNG TÂY	vn0104742253	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	Nhà thầu không gửi mẫu chạy thử máy
8	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN VIỆT	vn0103360438	PP2500006525	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 7300Es	Hóa chất do nhà thầu cung cấp không chạy được
9	LIÊN DANH NHÀ THẦU DMED - HÀ NAM NINH	vn0110072864	PP2500006525	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 7300Es	Nhà thầu không gửi mẫu chạy thử máy
10	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ PHƯƠNG TÂY	vn0104742253	PP2500006525	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 7300Es	Hóa chất do nhà thầu cung cấp không chạy được

nguyettm1-03/04/2025 08:54:47-nguyettm1-nguyettm1-nguyettm1

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế/Mã định danh	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
11	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LÊ MINH	vn0105616438	PP2500006525	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 7300Es	Nhà thầu không gửi mẫu chạy thử máy
12	CÔNG TY TNHH XÉT NGHIỆM VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH PHÚC AN	vn6001614229	PP2500006525	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 7300Es	Nhà thầu xác nhận không cho chạy thử máy
13	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ - KHOA HỌC KỸ THUẬT M.E.D.I.C	vn0400408435	PP2500006521	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	Nhà thầu xếp hạng 2
14	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH CÔNG	vn0109317037	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	Nhà thầu xếp hạng 2
15	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ VIỆT - NAM	vn0400411798	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	Nhà thầu xếp hạng 3
16	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ VIỆT - NAM	vn0400411798	PP2500006525	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 7300Es	Nhà thầu xếp hạng 2

nguyettm1-03/06/2025 08:51:17-nguyettm1-nguyettm1-nguyettm1

Số: 215/QĐ-YHCT
Thời gian ký: 2025-04-29T07:56:33+07:00

Phụ lục 3.1
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YHCT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng)

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
1	PP2500006520	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy đo HB-A1C (Máy xét nghiệm sinh hóa đo Protein)-D-10	Công ty TNHH Thiết bị y tế Ngôi Sao Việt												**206.614.825**
1.1				D-10 Hemoglobin A1c Program	12000949	D-10 Hemoglobin A1c Program	Từ 2024 trở lại	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories, Inc.	Khả năng thực hiện xét nghiệm: xác định định lượng Hemoglobin A1c (IFCC mmol/mol và NGSP %) trong máu toàn phần của người sử dụng trên hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao trao đổi ion (HPLC). Thành phần: 1 bộ chứa đầy đủ các thành phần: bao gồm bình chất đệm Buffer 1 chứa 2000ml, bình chất đệm Buffer 2 chứa 1000 ml, bình chất rửa/pha loãng chứa 1600 ml nước khử ion, 01 đĩa mềm, 01 đĩa CD ROM, 01 bộ chất hiệu chuẩn/pha loãng, 01 bộ máu mồi, 01 bộ ống mẫu và 01 cuộn giấy in Dùng được cho máy đo HB-A1C (Máy xét nghiệm sinh hóa đo Protein) - D-10 - hãng sản xuất máy: Bio-rad Laboratories/Mỹ	ml	54.845	3822	3.485,0	191.134.825
1.2				Lyphochek Diabetes Control	740	Lyphochek Diabetes Control	Từ 2024 trở lại	Hoa Kỳ	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Hba1c - Thành phần: máu toàn phần của người, dạng đông khô - Có giá trị tham chiếu cho các máy HPLC và máy sinh hoá phổ biến - Dùng được cho máy đo HB-A1C (Máy xét nghiệm sinh hóa đo Protein) - D-10 - hãng sản xuất máy: Bio-rad Laboratories/Mỹ	ml	12	3822	1.290.000,0	15.480.000
Tổng cộng: 02 khoản															**206.614.825**

Tổng cộng 02 khoản
Tổng giá trị trúng thầu: 206.614.825 VND Bằng chữ: Hai trăm lẻ sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng chẵn./.
Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan

nguyetttm1-03/06/2025 08:51:59-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

Số: 215/QĐ-YHCT
Thời gian ký: 2025-04-29T07:55:38+07:00

Phụ lục 3.2
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT QUANG PHÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YHCT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng)

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
1	PP2500006521	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT QUANG PHÁT												**186.765.500**
1.1				LABTROL H Normal	30950	30950	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Chất kiểm chuẩn mức bình thường cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Được sử dụng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa. Dùng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	180	3822	105.000,0	18.900.000
1.2				LABTROL H Pathological	30955	30955	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Chất kiểm chuẩn mức bất thường (mức bệnh lý) cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Được sử dụng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa. Dùng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	180	3822	105.000,0	18.900.000
1.3				ALBUMIN	30120	30120	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin theo phương pháp BCG so màu, sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	478	3822	2.800,0	1.338.400
1.4				CALCIUM-OC	30165	30165	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Calcium toàn phần theo phương pháp CPC so màu , sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	2.593	3822	2.700,0	7.001.100
1.5				CHOLESTEROL LS	30183	30183	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol theo phương pháp GOD- PAP (GOD-POD) so màu enzyme , sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	6.603	3822	2.600,0	17.167.800
1.6				CREATININE-J	30210	30210	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine theo phương pháp Jaffe - Reaction , sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	4.464	3822	2.250,0	10.044.000
1.7				CREATININE-J	30233	30233	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose theo phương pháp GOD- PAP (GOD-POD) so màu enzyme , sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	4.102	3822	2.100,0	8.614.200
1.8				TRIGLYCERIDES LS	30364	30364	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerides theo phương pháp GOD- PAP (GOD-POD) so màu enzyme, sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	3.333	3822	4.600,0	15.331.800
1.9				Uric Acid LS	30393	30393	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Uric theo phương pháp so màu enzyme, sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	3.141	3822	2.900,0	9.108.900
1.10				UREA UV-LQ	30375	30375	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea theo phương pháp so màu enzyme, sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000	ml	4.344	3822	2.800,0	12.163.200
1.11				GOT/AST-LQ	30244	30244	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Hóa chất xét nghiệm định lượng GOT dùng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000 theo IFCC. Thành phần có bao gồm - R1: Buffer - R2: Subtrate	ml	5.446	3822	2.600,0	14.159.600

nguyettm1-03/06/2025 08:52:10 nguyettm1-nhsnguyettm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
1.12				GPT/ALT-LQ	30254	30254	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Hóa chất xét nghiệm định lượng GPT dùng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000 theo IFCC. Thành phần có bao gồm - R1: Buffer - R2: Subtrate	ml	5.445	3822	2.600,0	14.157.000
1.13				TOTAL PROTEIN	30350	30350	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Protein toàn phần theo phương pháp so màu , sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000.	ml	490	3822	3.150,0	1.543.500
1.14				GGT-LQ	30224	30224	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT Dùng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000. Phương pháp Persijn/Van der Slik. Thành phần có bao gồm - R1: Buffer - R2: Subtrate	ml	1.490	3822	4.200,0	6.258.000
1.15				HDLc-D	30187	30187	2024	Tây Ban Nha	Chemelex, S.A	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol theo phương pháp so màu , sử dụng được cho máy sinh hóa Humalyzer 3000. Thành phần bao gồm: Thuốc thử và chất hiệu chuẩn Standard.	ml	1.492	3822	21.500,0	32.078.000
2	PP2500006524	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 6510K	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT QUANG PHÁT												**151.977.612**
2.1				RINSE620-NK	DWX-30709	DWX-30709	2024	Trung Quốc	Dewei medical Equipment Co., Ltd,	Hóa chất rửa thường quy sử dụng cho máy huyết học Nihon Kohden Celltac Anpha - MEK 6510K	ml	47.561	3822	215,0	10.225.615
2.2				RINSE520-NK	DWX-50704	DWX-50704	2024	Trung Quốc	Dewei medical Equipment Co., Ltd,	Hóa chất rửa đậm đặc sử dụng cho máy huyết học Nihon Kohden Celltac Anpha - MEK 6510K	ml	28.537	3822	215,0	6.135.455
2.3				LYSE-NK680	DWX-30707	DWX-30707	2024	Trung Quốc	Dewei medical Equipment Co., Ltd,	Hóa chất ly giải màng tế bào hồng cầu sử dụng cho máy huyết học Nihon Kohden Celltac Anpha - MEK 6510K. Thành phần: chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương.	ml	13.779	3822	1.620,0	22.321.980
2.4				DILUENT-NK3	DWX-30706	DWX-30706	2024	Trung Quốc	Dewei medical Equipment Co., Ltd,	Hóa chất pha loãng sử dụng cho máy huyết học Nihon Kohden Celltac Anpha - MEK 6510K.	ml	1.141.462	3822	51,0	58.214.562
2.5				R&D CBC-3D for Mindray	3D506	3D506	2024	Hoa Kỳ	R&D	Chất kiểm chuẩn sử dụng cho máy huyết học Nihon Kohden Celltac Anpha - MEK 6510K. Mức bình thường. Độ pH: trung tính Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	ml	36	3822	510.000,0	18.360.000
2.6				R&D CBC-3D for Mindray	3D506	3D506	2024	Hoa Kỳ	R&D	Chất kiểm chuẩn sử dụng cho máy huyết học Nihon Kohden Celltac Anpha - MEK 6510K. Mức thấp. Độ pH: trung tính Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	ml	36	3822	510.000,0	18.360.000

nguyetttm1-03/06/2025 08:52:10-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
2.7				R&D CBC-3D for Mindray	3D506	3D506	2024	Hoa Kỳ	R&D	Chất kiểm chuẩn sử dụng cho máy huyết học Nihon Kohden Celltac Anpha - MEK 6510K. Mức cao. Độ pH: trung tính Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	ml	36	3822	510.000,0	18.360.000
Tổng cộng: 22 khoản															**338.743.112**

Tổng cộng 22 khoản

Tổng giá trị trúng thầu: 338.743.112 VND Bằng chữ: Ba trăm ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn một trăm mười hai đồng chẵn./.

Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan

nguyetttm1-03/06/2025 08:52:10-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

Số: 215/QĐ-YHCT
Thời gian ký: 2025-04-29T07:59:32+07:00

Phụ lục 3.3
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
Công ty TNHH Y tế Phúc Phúc Hưng
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YHCT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng)

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
1	PP2500006522	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm điện giải 3 thông số - Easylyte ®	Công ty TNHH Y tế Phúc Phúc Hưng												**231.821.700**
1.1				EasyLyte Na/K/Cl Solutions Pack, 800mL	2121	Easylyte	2024	Medica/Mỹ	Medica	Tên thương mại:EasyLyte Na/K/Cl Solutions Pack, 800mL Quy cách: 800ml/hộp Thông số kỹ thuật:Sử dụng để định lượng nồng độ Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl−) trong huyết thanh người, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu, 800 ml Dùng được cho máy xét nghiệm điện giải 3 thông số Easylyte ® Đạt tiêu chuẩn Iso 13485	ml	16.383	3822	11.900,0	194.957.700
1.2				Daily Cleaning Solution Kit	2118	Easylyte	2024	Medica/Mỹ	Medica	Tên thương mại:Daily Cleaning Solution Kit Quy Cách:1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin Thông số kỹ thuật:Dung dịch rửa máy gồm: 1 lọ Rinse 90ml + 6 lọ Pepsin - Dùng được cho máy xét nghiệm điện giải 3 thông số Easylyte ® Đạt tiêu chuẩn Iso 13485	ml	1.024	3822	36.000,0	36.864.000
2	PP2500006523	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm điện giải 5 thông số - Easylyte Expand	Công ty TNHH Y tế Phúc Phúc Hưng												**198.025.699**
2.1				EasyLyte Na/K/Cl/Ca/Li Solutions Pack, 800mL	2124	Easylyte Expand	2024	Medica/Mỹ	Medica	Tên thương mại:EasyLyte Na/K/Cl/Ca/Li Solutions Pack, 800mL Quy cách: 800ml/hộp Thông số kỹ thuật:Sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na +), Kali (K +), Clorua (Cl−), Canxi (Ca ++) và Lithium (Li +) trong huyết thanh, huyết tương người, máu toàn phần và nước tiểu, 800 ml - Dùng được cho máy phân tích điện giải tự động - EasyLyte Expand - hãng sản xuất máy: Medica Đạt tiêu chuẩn Iso 13485	ml	11.051	3822	12.749,0	140.889.199
2.2				Daily Cleaning Solution Kit	7118	Easylyte Expand	2024	Medica/Mỹ	Medica	Tên thương mại: Daily Cleaning Solution Kit Quy cách:1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin Thông số kỹ thuật:Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên máy xét nghiệm điện giải - Dung dịch rửa máy gồm: 1 lọ Rinse 90ml + 6 lọ Pepsin - Dùng được cho máy phân tích điện giải tự động - EasyLyte Expand - hãng sản xuất máy: Medica Đạt tiêu chuẩn Iso 13485	ml	663	3822	35.500,0	23.536.500

nguyetttm1-03/06/2025 08:52:27-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
2.3				Bi-Level Quality Control Kit	2814	Easylyte Expand	2024	Medica/Mỹ	Medica	Tên thương mại:Bi-Level Quality Control Kit Quy cách:2 x 10 ml Thông số kỹ thuật:Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na+, K+, Cl-, Li+, Ca++, pH) với 2 mức bình thường và bất thường. - Dùng được cho máy phân tích điện giải tự động - EasyLyte Expand - hãng sản xuất máy: Medica Đạt tiêu chuẩn Iso 13485	ml	240	3822	140.000,0	33.600.000
Tổng cộng: 05 khoản															**429.847.399**

Tổng cộng 05 khoản

Tổng giá trị trúng thầu: 429.847.399 VND Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi chín đồng chẵn./.

Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan

nguyetttm1-03/06/2025 08:52:27-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

Số: 215/QĐ-YHCT
Thời gian ký: 2025-04-29T08:00:02+07:00

Phụ lục 3.4
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH CÔNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YHCT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng)

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
1	PP2500006525	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học MEK 7300Es	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH CÔNG												**227.267.568**
1.1				Disotonic 5-MEK	TES-DiL-1005	Disotonic 5-MEK	2025	Việt Nam	Tesla	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	ml	497.016	3822	123,0	61.132.968
1.2				Hemolyse 3-MEK	TES-LY3-1010	Hemolyse 3-MEK	2025	Việt Nam	Tesla	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	ml	6.903	3822	4.000,0	27.612.000
1.3				Hemolyse 5-MEK	TES-LY5-1011	Hemolyse 5-MEK	2025	Việt Nam	Tesla	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để bách phân bạch cầu	ml	4.536	3822	6.000,0	27.216.000
1.4				Cleanac-MEK	TES-CL-1010	Cleanac-MEK	2025	Việt Nam	Tesla	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	ml	31.754	3822	600,0	19.052.400
1.5				Cleanac 3-MEK	TES-CL3-1011	Cleanac 3-MEK	2025	Việt Nam	Tesla	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	ml	15.877	3822	600,0	9.526.200
1.6				R&D CBC-3K Control	R&D CBC-3K Control	R&D CBC-3K Control	2025	Mỹ	R&D SYSTEMS, Inc	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức thường	ml	36	3822	766.000,0	27.576.000
1.7				R&D CBC-3K Control	R&D CBC-3K Control	R&D CBC-3K Control	2025	Mỹ	R&D SYSTEMS, Inc	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thấp	ml	36	3822	766.000,0	27.576.000
1.8				R&D CBC-3K Control	R&D CBC-3K Control	R&D CBC-3K Control	2025	Mỹ	R&D SYSTEMS, Inc	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	ml	36	3822	766.000,0	27.576.000
Tổng cộng: 08 khoản															**227.267.568**

Tổng cộng 08 khoản
Tổng giá trị trúng thầu: 227.267.568 VND Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng chẵn./.
Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan

nguyetttm1-03/06/2025 08:32:36-nguyetttm1-nguyetttm1

Số: 215/QĐ-YHCT
Thời gian ký: 2025-04-29T08:00:34+07:00

Phụ lục 3.5
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MINH TÂM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YHCT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng)

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
1	PP2500006526	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy sinh hoá AU480	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MINH TÂM												**770.765.106**
1.1				GLUCOSE	11504	Tên thương mại: GLUCOSE Quy cách: Hộp 1x500mL+1x5mL (Hộp 505 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: Glucose oxidase/peroxidase Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	4.972	3822	1.806,0	8.979.432
1.2				UREA/BUN-UV	11517	Tên thương mại: UREA/BUN-UV Quy cách: Hộp 2x200ml+2x50ml+1x5ml (Hộp 505 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: Urease / Glutamate dehydrogenase Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	5.704	3822	6.510,0	37.133.040
1.3				CREATININE	11502	Tên thương mại: CREATININE Quy cách: Hộp 2x50mL+2x50mL+1x5mL (Hộp 205 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: JAFFÉ Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	5.796	3822	4.620,0	26.777.520
1.4				CALCIUM-ARSENAZO	11570	Tên thương mại: CALCIUM-ARSENAZO Quy cách: Hộp 1x200mL+1x5mL (Hộp 205 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: Arsenazo III Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	2.290	3822	4.599,0	10.531.710
1.5				ASPARTATE AMINOTRANSFERASE (AST/GOT)	11567	Tên thương mại: ASPARTATE AMINOTRANSFERASE (AST/GOT) Quy cách: Hộp 1x400mL+1x100mL (Hộp 500 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: IFCC Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	6.172	3822	5.208,0	32.143.776
1.6				ALANINE AMINOTRANSFERASE (ALT/GPT)	11568	Tên thương mại: ALANINE AMINOTRANSFERASE (ALT/GPT) Quy cách: Hộp 1x400mL+1x100mL (Hộp 500 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: IFCC Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	6.171	3822	5.229,0	32.268.159
1.7				TRIGLYCERIDES	11528	Tên thương mại: TRIGLYCERIDES Quy cách: Hộp 4x50mL+1x5mL (Hộp 205 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	3.872	3822	13.209,0	51.145.248
1.8				CHOLESTEROL	11505	Tên thương mại: CHOLESTEROL Quy cách: Hộp 1x200mL+1x5mL (Hộp 205 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: Cholesterol oxidase/peroxidase Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	3.848	3822	6.342,0	24.404.016

nguyetttm1-03/06/2025 08:59:45-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
1.9				CHOLESTEROL HDL DIRECT	21557	Tên thương mại: CHOLESTEROL HDL DIRECT Quy cách: Hộp 2x60ml+2x20mL (Hộp 160 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp: DIRECT Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	3.979	3822	42.693,0	169.875.447
1.10				CHOLESTEROL LDL DIRECT	21585	Tên thương mại: CHOLESTEROL LDL DIRECT Quy cách: Hộp 2x60ml+2x20mL (Hộp 160 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp: DIRECT Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	3.802	3822	48.804,0	185.552.808
1.11				BILIRUBIN (TOTAL)	21506	Tên thương mại: BILIRUBIN (TOTAL) Quy cách: Hộp 8x60ml+8x15mL (Hộp 600 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	181	3822	5.177,0	937.037
1.12				BILIRUBIN (DIRECT)	21504	Tên thương mại: BILIRUBIN (DIRECT) Quy cách: Hộp 4x60ml+4x15mL (Hộp 300 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	181	3822	5.170,0	935.770
1.13				C-REACTIVE PROTEIN hs (CRP-hs)	31927	Tên thương mại: C-REACTIVE PROTEIN hs (CRP-hs) Quy cách: Hộp 1x40mL+1x10mL (Hộp 50 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: LATEX-HIGH SENSITIVITY Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	641	3822	49.812,0	31.929.492
1.14				CRP/CRP-hs STANDARD	31113	Tên thương mại: CRP/CRP-hs STANDARD Quy cách: Hộp 1x1mL (Hộp 1 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	5	3822	320.250,0	1.601.250
1.15				PROTEIN CONTROL SERUM I	31211	Tên thương mại: PROTEIN CONTROL SERUM I Quy cách: Hộp 3x1mL (Hộp 3 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein hs (CRP-hs) mức 1 hoặc xét nghiệm Protein mức 1 Thành phần thuốc thử: từ huyết thanh người (đông khô), có chứa nồng độ các thành phần phù hợp để nội kiểm chuẩn Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	18	3822	723.450,0	13.022.100
1.16				PROTEIN CONTROL SERUM II	31212	Tên thương mại: PROTEIN CONTROL SERUM II Quy cách: Hộp 3x1mL (Hộp 3 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein hs (CRP-hs) mức 2 hoặc xét nghiệm Protein mức 2 Thành phần thuốc thử: từ huyết thanh người (đông khô), có chứa nồng độ các thành phần phù hợp để nội kiểm chuẩn Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	24	3822	830.900,0	19.941.600
1.17				RHEUMATOID FACTORS (RF)	31922	Tên thương mại: RHEUMATOID FACTORS (RF) Quy cách: Hộp 1x40mL+1x10mL (Hộp 50 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Phương pháp đo: LATEX Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	384	3822	42.252,0	16.224.768

nguyetttm1-03/06/2025 08:39:45-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
1.18				RHEUMATOID FACTORS (RF) STANDARD	31116	Tên thương mại: RHEUMATOID FACTORS (RF) STANDARD Quy cách: Hộp 1x3mL (Hộp 3 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	15	3822	198.800,0	2.982.000
1.19				RHEUMATOID CONTROL SERUM I	31213	Tên thương mại: RHEUMATOID CONTROL SERUM I Quy cách: Hộp 3x1mL (Hộp 3 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	18	3822	388.150,0	6.986.700
1.20				RHEUMATOID CONTROL SERUM II	31214	Tên thương mại: RHEUMATOID CONTROL SERUM II Quy cách: Hộp 3x1mL (Hộp 3 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	18	3822	495.250,0	8.914.500
1.21				CHOLESTEROL HDL/LDL CALIBRATOR	11693	Tên thương mại: CHOLESTEROL HDL/LDL CALIBRATOR Quy cách: Hộp 1x1mL (Hộp 1 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	5	3822	368.550,0	1.842.750
1.22				BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM (Human) I	18042	Tên thương mại: BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM (Human) I Quy cách: Hộp 5x5mL (Hộp 25 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1 Thành phần thuốc thử: huyết thanh người (đông khô), có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình nội kiểm Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	60	3822	122.304,0	7.338.240
1.23				BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM (Human) II	18043	Tên thương mại: BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM (Human) II Quy cách: Hộp 5x5mL (Hộp 25 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2 Thành phần thuốc thử: huyết thanh người (đông khô), có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình nội kiểm Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	60	3822	122.304,0	7.338.240
1.24				BIOCHEMISTRY CALIBRATOR	18011	Tên thương mại: BIOCHEMISTRY CALIBRATOR Quy cách: Lọ 1x5ml (Lọ 5 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh bò Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	60	3822	103.950,0	6.237.000
1.25				BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM I	18009	Tên thương mại: BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM I Quy cách: Lọ 1x5ml (Lọ 5 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh bò Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	120	3822	103.950,0	12.474.000
1.26				BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM II	18010	Tên thương mại: BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM II Quy cách: Lọ 1x5ml (Lọ 5 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Tây Ban Nha	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh bò Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	120	3822	103.950,0	12.474.000

nguyettm1-03/06/2025 08:52:45-nguyettm1-nguyettm1-nguyettm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
1.27				Wash Solution	ODR2000	Tên thương mại: Wash Solution Quy cách: Can 1x5l (Can 5000 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Ai-len	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5% Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	51.257	3402	735,0	37.673.895
1.28				Cleaning Solution	66039	Tên thương mại: Cleaning Solution Quy cách: Bình 450ml	Từ năm 2024 trở đi	Ai-len	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Dung dịch rửa. Thành phần: hypochlorite Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	2.307	3402	1.344,0	3.100.608
2	PP2500006527	Hoá chất xét nghiệm dùng cho máy miễn dịch Access II	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ MINH TÂM												**785.408.925**
2.1				ACCESS HYBRITECH PSA	37200	Tên thương mại: ACCESS HYBRITECH PSA Quy cách: Hộp 2x50test (Hộp 100 test)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Phạm vi phân tích: 0,008–150 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,008–121 ng/mL (hiệu chuẩn WHO) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm kháng PSA đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	test	301	3822	57.519,0	17.313.219
2.2				ACCESS HYBRITECH PSA CALIBRATORS	37205	Tên thương mại: ACCESS HYBRITECH PSA CALIBRATORS Quy cách: Hộp 6x2.5mL (Hộp 15 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: PSA trong huyết thanh ở mức xấp xỉ 0,5, 2, 10, 75 và 150 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,7, 8, 58 và 121 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	75	3822	189.840,0	14.238.000
2.3				ACCESS CORTISOL	33600	Tên thương mại: ACCESS CORTISOL Quy cách: Hộp 2x50test (Hộp 100 test)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Phạm vi phân tích: 0,4–60 µg/dL [11–1.655 nmol/L] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh - Thành phần: R1a: Chất cộng hợp cortisol – phosphatase kiềm (bò) và các hạt thuận từ phủ kháng thể dê kháng IgG thỏ trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, chất nền BSA matrix và < 0,1% natri azit. R1b: Huyết thanh miễn dịch của thỏ kháng cortisol trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, chất nền BSA và < 0,1% natri azit. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	test	1.019	3822	31.647,0	32.248.293
2.4				ACCESS CORTISOL CALIBRATORS	33605	Tên thương mại: ACCESS CORTISOL CALIBRATORS Quy cách: Hộp 6x4mL (Hộp 24 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần: S0: Huyết thanh người với < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Có chứa 0 µg/dL (nmol/L) cortisol. S1,S2,S3,S4,S5: Cortisol (hợp chất hóa học tinh sạch) trong huyết thanh người lần lượt ở các mức nồng độ xấp xỉ 2, 5, 10, 25 và 60 µg/dL (55, 138, 276, 690 và 1.655 nmol/L), có < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	120	3822	140.574,0	16.868.880

nguyettm1-03/06/2025 08:52:45-nguyettm1-nguyettm1-nguyettm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
2.5				ACCESS PCT	C22593	Tên thương mại: ACCESS PCT Quy cách: Hộp 2x 50 test (Hộp 100 test)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Immunotech SAS, Pháp	Phạm vi phân tích: 0,01–100 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng procalcitonin người trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, protein (bò), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: 0,1 N Natri Hydroxit. R1c: Dung dịch đệm MOPS có chất hoạt tính bề mặt và protein (bò, chuột), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1d: Liên hợp photphataza kiềm tái tổ hợp kháng procalcitonin ở chuột trong dung dịch đệm MOPS có chất hoạt tính bề mặt và protein (bò, chuột, tái tổ hợp), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	test	557	3822	174.993,0	97.471.101
2.6				ACCESS PCT CALIBRATORS	C22594	Tên thương mại: ACCESS PCT CALIBRATORS Quy cách: Hộp 7x2ml (Hộp 14 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Immunotech SAS, Pháp	Thành phần: S0 Dung dịch đệm HEPES đông khô có protein (bò), ≤ 0,1 % natri azit và 0,1% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5, S6: Procalcitonin tái tổ hợp ở người với các mức xấp xỉ lần lượt là 0,8, 5, 10, 25, 50 và 100 ng/mL (µg/L) trong dung dịch đệm HEPES đông khô có protein (bò), ≤ 0,1 % natri azit và 0,1% ProClin 300 Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	56	3822	691.740,0	38.737.440
2.7				ACCESS hsTnI	B52699	Tên thương mại: ACCESS hsTnI Quy cách: Hộp 2x50test (Hộp 100 test)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Immunotech SAS, Pháp	Phạm vi phân tích: 2,3 - 27.027pg/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads được bao phủ bằng kháng thể đơn dòng ở chuột kháng cTnI của người được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,1% R1b: 0,1N NaOH R1c:Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein (chuột), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,1%. R1d: Chất cộng hợp giữa kháng thể đơn dòng ở cừu kháng cTnI của người với phosphatase kiềm được pha loãng trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt động bề mặt, chất nền BSA, protein (bò, cừu, chuột), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,25%. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	test	513	3822	69.615,0	35.712.495
2.8				ACCESS hsTnI CALIBRATORS	B52700	Tên thương mại: ACCESS hsTnI CALIBRATORS Quy cách: Hộp 3x1.5mL+ 4x1mL (Hộp 8,5 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Immunotech SAS, Pháp	Thành phần: S0: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt < 0,1% Natri azua, và 0,1% ProClin 300 S1,S2,S3,S4,S5,S6: Hợp chất troponin tái tổ hợp ở nồng độ cTnI khoảng 30,7, 144, 567, 2.293, 9.280 và 27.027 pg/mL trong chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt, < 0,1% Natri azua và 0,1% ProClin 300 Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	43	3822	277.998,0	11.953.914
2.9				MAS CardioImmune XL	CAI-XL4	Tên thương mại: MAS CardioImmune XL Quy cách: Hộp 6 x 3 ml (Hộp 18 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Microgenics Corporation, Mỹ	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh với các hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ protein tái tổ hợp, mô hoặc dịch cơ thể người Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	96	3822	332.041,5	31.875.984

nguyetttm1-03/06/2025 08:52:45-nguyetttm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
2.10				ACCESS FREE T4	33880	Tên thương mại: ACCESS FREE T4 Quy cách: Hộp 2x50test (Hộp 100 test)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Phạm vi phân tích: 0,25–6 ng/dL [3,2–77,2 pmol/L] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN3 và 0,125% ProClin 300. R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN3 và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN3 và 0,125% ProClin 300. R1d: Chất cộng hợp triiodothyronine-photphataza kiềm (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN3 và 0,1% ProClin 300. R1e: Kháng thể kháng Thyroxine (T4) đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN3 và 0,125% ProClin 300. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	test	929	3822	26.082,0	24.230.178
2.11				ACCESS FREE T4 CALIBRATORS	33885	Tên thương mại: ACCESS FREE T4 CALIBRATORS Quy cách: Hộp 6x2.5mL (Hộp 15 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần: S0: Huyết thanh người với < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 ng/dL (0 pmol/L) thyroxine. S1, S2, S3, S4, S5: Thyroxine tự do trong huyết thanh người ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 1, 2, 3 và 6 ng/dL (xấp xỉ 6,4, 12,9, 25,7, 38,6 và 77,2 pmol/L), có < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	75	3822	210.924,0	15.819.300
2.12				ACCESS TOTAL T3	33830	Tên thương mại: ACCESS TOTAL T3 Quy cách: Hộp 2x50test (Hộp 100 test)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Phạm vi phân tích: 0,1 - 8 ng/mL (0,2–12,3 nmol/L) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh - Thành phần: R1a: Liên hợp photphataza kiềm kháng T3 đơn dòng ở chuột (bò) và các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Analog T3 được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch natri hiđroxit 0,4N (NaOH) có 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS). R1d: 0,4N dung dịch axit clohyđric (HCl). Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	test	929	3822	31.647,0	29.400.063
2.13				ACCESS TOTAL T3 CALIBRATORS	33835	Tên thương mại: ACCESS TOTAL T3 CALIBRATORS Quy cách: Hộp 6x4mL (Hộp 24 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần: S0: Huyết thanh người, < 0,1% natri azit và 0,025% Cosmocil CQ chứa 0 ng/mL (nmol/L) Triiodothyronine. S1, S2, S3, S4, S5: Triiodothyronine ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 1, 2, 4 và 8 ng/mL (0,8, 1,5, 3,1, 6,1 và 12,3 nmol/L) trong huyết thanh người có < 0,1% natri azit và 0,025% Cosmocil CQ. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	120	3822	171.423,0	20.570.760

nguyetttm1-03/06/2025 08:39:45-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
2.14				ACCESS TSH (3rd IS)	B63284	Tên thương mại: ACCESS TSH (3rd IS) Quy cách: Hộp 2x100test (Hộp 200 test)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Immunotech SAS, Pháp	Phạm vi phân tích: 0,005–50 µIU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng TSH ở người đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1c:Liên hợp photphataza kiềm kháng TSH trên người đơn dòng ở chuột trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 R1d: Liên hợp photphataza kiềm kháng TSH trên người đơn dòng ở chuột trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	test	929	3822	25.326,0	23.527.854
2.15				ACCESS TSH (3rd IS) CALIBRATORS	B63285	Tên thương mại: ACCESS TSH (3rd IS) CALIBRATORS Quy cách: Hộp 6x2.5mL (Hộp 15 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Immunotech SAS, Pháp	Thành phần: S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Chứa 0 µIU/mL (mIU/L) hTSH S1,S2,S3,S4,S5: Xấp xỉ 0,05, 0,3, 3, 15 và 50 µIU/mL (mIU/L) hTSH, trong chất nền đệm BSA có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300 Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	75	3822	168.840,0	12.663.000
2.16				Access WASH BUFFER II	A16792	Tên thương mại: Access WASH BUFFER II Quy cách: Hộp 4x1950mL (Hộp 7800 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-một và 2-methyl-4-isothiazolin-3-một (3:1). Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	309.849	3402	336,0	104.109.264
2.17				Access SUBSTRATE	81906	Tên thương mại: Access SUBSTRATE Quy cách: Hộp 4x130mL (Hộp 520 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	7.330	3822	20.097,0	147.311.010
2.18				ACCESS SAMPLE DILUENT A	81908	Tên thương mại: ACCESS SAMPLE DILUENT A Quy cách: Hộp 1x4mL (Hộp 4 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần: Chất pha loãng Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	8	3822	395.598,0	3.164.784
2.19				ACCESS SYSTEM CHECK SOLUTION	81910	Tên thương mại: ACCESS SYSTEM CHECK SOLUTION Quy cách: Hộp 6x4mL (Hộp 24 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần: Phosphatase kiềm, 1% albumin huyết thanh bò (BSA), 0,25% ProClin 300, < 0,1% natri azit. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	96	3822	65.940,0	6.330.240
2.20				CONTRAD 70	81911	Tên thương mại: CONTRAD 70 Quy cách: Bình 1L (Bình 1000 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Polysciences, Inc., Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần: KOH 1-5% Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	5.126	3402	3.171,0	16.254.546
2.21				CITRANOX	81912	Tên thương mại: CITRANOX Quy cách: Bình 1 gallon (Bình 3800 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Alconox, Inc., Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Thành phần chính: Acid hữu cơ Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	19.000	3402	1.491,0	28.329.000

nguyetttm1-03/06/2025 08:52:45-nguyetttm1

STT	Phần/lô nhà thầu tham dự	Tên phần/lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu đề nghị trúng thầu	Tên hàng hóa	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu (VND)	Thành tiền (VND)
2.22				MAS Omni IMMUNE	OIM-101	Tên thương mại: MAS Omni IMMUNE Quy cách: Lọ 1 x 5 ml (Lọ 5 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Microgenics Corporation, Mỹ	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	40	3822	477.330,0	19.093.200
2.23				MAS Omni IMMUNE	OIM-202	Tên thương mại: MAS Omni IMMUNE Quy cách: Lọ 1 x 5 ml (Lọ 5 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Microgenics Corporation, Mỹ	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	40	3822	477.330,0	19.093.200
2.24				MAS Omni IMMUNE	OIM-303	Tên thương mại: MAS Omni IMMUNE Quy cách: Lọ 1 x 5 ml (Lọ 5 ml)	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Microgenics Corporation, Mỹ	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Dùng được cho máy xét nghiệm miễn dịch các loại - Access2 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter	ml	40	3822	477.330,0	19.093.200
Tổng cộng: 52 khoản															**1.556.174.031**

Tổng cộng 52 khoản

Tổng giá trị trúng thầu: 1.556.174.031 VND Bằng chữ: Một tỷ năm trăm năm mươi sáu triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm ba mươi mốt đồng chẵn./.

Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan

nguyetttm1-03/06/2025 08:52:45-nguyetttm1-nguyetttm1-nguyetttm1